

Số: 135/2018/QĐST- HNGĐ

Kinh Môn, ngày 11 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2018 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1982

ĐKKH và trú tại: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Phương Th**, sinh năm 1986

ĐKKH : thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi dưỡng con chung: Anh T, chị Th có 03 con chung cháu Trần Thu H, sinh ngày 31/10/2006, cháu Trần Khánh H, sinh ngày 24/02/2010 và cháu Trần Mai C, sinh ngày 07/4/2013. Anh T, chị Th thoả thuận, khi ly hôn giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thu H; Giao cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung là Trần Khánh H và Trần Mai C. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trần Mai C là 2.000.000đồng/tháng. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 5/2018 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 đồng, anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001560 ngày 04/4/2018. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kinh Môn;
- Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Chu Văn Nghĩa